

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **20/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 07 - 10 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh.
2. Bà Hoàng Thị Thúy Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2020/TLST - HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 9 năm 2020; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1974; địa chỉ: Tiểu đoàn X, Lữ đoàn Y, Quân khu 4, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ: Khối QT, thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Lê Tiến T, sinh năm 1999; địa chỉ: Khối QT, thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/4/2020, bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Trọng T trình bày: Nguyên đơn và bị đơn chị Lê Thị N kết hôn năm 1998,

có đăng ký kết hôn tại UBND xã VD (nay là thị trấn NĐ), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng nhau, không chia sẻ, giúp đỡ nhau, vợ chồng không còn tình cảm, chung sống không mang lại hạnh phúc cho nhau. Vợ chồng không chung sống với nhau 05 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị N. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Lê Tiến T, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1999 và Nguyễn Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2003. Con chung Nguyễn Lê Tiến T đã trên 18 tuổi nên con ở với ai là tùy con. Do hiện tại cháu đang học Đại học năm thứ 4 nên nguyên đơn có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu đến khi học xong Đại học mỗi tháng là 4.500.000 đồng kể từ tháng 9/2020 đến tháng 9/2022. Giao con chung Nguyễn Lê Huỳnh Đ cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con trưởng thành. Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Lê Thị N thống nhất lời khai của nguyên đơn về xác lập quan hệ hôn nhân và điều kiện chung sống. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 18 năm thì anh Nguyễn Trọng T có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng có cãi vã nhau qua điện thoại. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng không chung sống với nhau. Lý do ly hôn là do anh Nguyễn Trọng T có quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị P, xóm HL, thị trấn NĐ. Thời gian vợ chồng không chung sống với nhau hai bên không có cách gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bị đơn nhiều lần vào đơn vị để được gặp và bàn bạc nhưng anh Nguyễn Trọng T trốn tránh, gọi điện liên lạc thì bị chặn số. Bị đơn xác nhận vẫn còn tình cảm với anh Nguyễn Trọng T. Tại phiên tòa bị đơn xác định anh Nguyễn Trọng T nhất quyết ly hôn thì không thể níu kéo để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nên bị đơn đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như nguyên đơn trình bày. Vợ chồng ly hôn, bị đơn yêu cầu anh Nguyễn Trọng T tiếp tục chu cấp để nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Tiến T học xong Đại học, số tiền mỗi tháng là 4.500.000 đồng. Còn cháu Nguyễn Lê Huỳnh Đ do bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa bị đơn yêu cầu anh Nguyễn Trọng T cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Lê Huỳnh Đ mỗi tháng 500.000 đồng kể từ tháng 10/2020 đến khi con trưởng thành. Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 04/9/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Lê Tiến T trình bày: Mặc dù đã trưởng thành, đủ 18

tuổi nhưng do đang đi học, chưa tự lo kinh tế để trang trải, phục vụ bản thân mà vẫn phụ thuộc vào bố mẹ. Vì vậy bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của anh Nguyễn Lê Tiến T là được anh Nguyễn Trọng T tiếp tục cấp dưỡng tiền ăn, tiền học phí hàng tháng, mỗi tháng 4.500.000 đồng kể từ tháng 9/2020 đến tháng 9/2022.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 04/9/2020, cháu Nguyễn Lê Huỳnh Đ trình bày nguyện vọng: Bố mẹ ly hôn nguyện vọng được sống với mẹ Lê Thị N, mong muốn bố chu cấp thêm cho để trang trải việc học tập.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh Nguyễn Trọng T và chị Lê Thị N tại UBND thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An và được cung cấp thông tin như sau: Vì lý do khách quan nên hiện tại Sở đăng ký kết hôn năm 1998 của UBND xã VD không còn lưu trữ nên không có cơ sở xác định anh Nguyễn Trọng T và chị Lê Thị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã VD hay không. Anh Nguyễn Trọng T là bộ đội thuộc Lữ đoàn Y đóng tại thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An còn chị Lê Thị N cư trú tại khối QT, thị trấn NĐ. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tố tụng đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự theo quy định từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về tình cảm: Anh Nguyễn Trọng T được ly hôn chị Lê Thị N. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2003 cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trọng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Con chung Nguyễn Lê Tiến T

đã thành niên nên có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình. Anh Nguyễn Trọng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Lê Huỳnh Đ mỗi tháng 500.000 đồng kể từ tháng 10/2020 đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Trọng T về việc cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Lê Tiến T mỗi tháng 4.500.000 đồng kể từ tháng 9/2020 đến tháng 9/2022. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Nguyễn Trọng T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với chị Lê Thị N có địa chỉ cư trú tại thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo quy định khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Lê Tiến T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng T và chị Lê Thị N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình và có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 12 năm 1998 tại UBND xã VD (nay là thị trấn NĐ), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh Nguyễn Trọng T thì nguyên nhân là do vợ chồng không tôn trọng nhau, không chia sẻ, giúp đỡ nhau, vợ chồng không còn tình cảm nên chung sống không mang lại hạnh phúc cho nhau. Chị Lê Thị N xác định do anh Nguyễn Trọng T có quan hệ với người phụ nữ khác nên không quan tâm, chăm sóc vợ con. Quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, anh Nguyễn Trọng T yêu cầu được ly hôn, chị Lê Thị N yêu cầu đoàn tụ vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận định: Việc đoàn tụ vợ chồng phải là sự tự nguyện

của hai bên, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng không chung sống với nhau, mặc dù chị Lê Thị N đã níu kéo để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Nguyễn Trọng T xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Tại phiên tòa, chị Lê Thị N đồng ý ly hôn. Như vậy, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không sống chung với nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Trọng T được ly hôn với chị Lê Thị N.

[2]. Về con chung: Anh Nguyễn Trọng T và chị Lê Thị N thống nhất khai: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Lê Tiến T, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1999 và Nguyễn Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2003.

Hội đồng xét xử nhận định: Con chung Nguyễn Lê Tiến T đã thành niên nên có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình theo quy định tại khoản 4 Điều 70 Luật Hôn nhân và gia đình. Con chung Nguyễn Lê Huỳnh Đ có nguyện vọng được sống cùng mẹ, chị Lê Thị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Huỳnh Đ và anh Nguyễn Trọng T đồng ý nên Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Lê Huỳnh Đ cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị Lê Thị N yêu cầu anh Nguyễn Trọng T cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Lê Huỳnh Đ mỗi tháng 500.000 đồng kể từ tháng 10/2020 đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trọng T đồng ý yêu cầu của chị Lê Thị N nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đối với con chung Nguyễn Lê Tiến T mặc dù đã đủ tuổi trưởng thành nhưng hiện đang đi học, chưa thể lo kinh tế để trang trải học tập, sinh hoạt nên anh Nguyễn Trọng T tự nguyện cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Lê Tiến T mỗi tháng 4.500.000 đồng kể từ tháng 9/2020 đến tháng 9/2022 theo yêu cầu của anh Nguyễn Lê Tiến T. Xét yêu cầu của anh Nguyễn Lê Tiến T và sự tự nguyện của anh Nguyễn Trọng T là không trái pháp luật và phù hợp với đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[6]. Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; khoản 4 Điều 70, Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Trọng T và chị Lê Thị N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2003 cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trọng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Con chung Nguyễn Lê Tiến T đã thành niên nên có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình.

3. Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Trọng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Lê Huỳnh Đ mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 10/2020 đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Trọng T về việc cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Lê Tiến T mỗi tháng 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 9/2020 đến tháng 9/2022.

4. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền

án phí nghĩa vụ cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002501 ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Trọng T còn phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Về thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được Thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Lại